

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ



THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU
NGÀNH DỆT MAY



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

I. HIỆN TRẠNG NGÀNH HÀNG

1. Năng lực cung ứng của Việt Nam



Ngành dệt may Việt Nam có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, với số lượng và quy mô các doanh nghiệp liên tục phát triển qua các năm

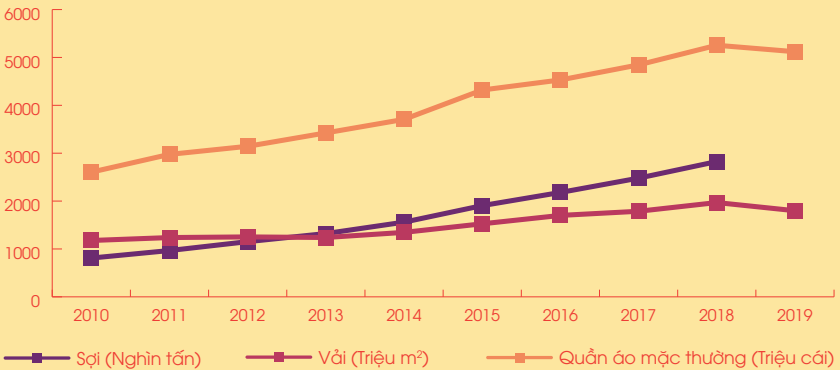
Hiện nay, toàn ngành có khoảng 7.000 doanh nghiệp, sử dụng gần 3 triệu lao động, nhập khẩu nguyên phụ liệu từ hai thị trường chính: Trung Quốc và Hàn Quốc.

Việt Nam vẫn gần như đứng ở cuối nguồn trong chuỗi giá trị sản xuất dệt may, chủ yếu ở khâu may mặc. Thống kê trong giai đoạn 2010-2019 cho thấy sản lượng hàng may mặc có tốc độ tăng mạnh hơn so với các sản phẩm dệt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp ngành dệt may năm 2019 tăng 11,4%, thấp hơn so với mức tăng 12,7% năm 2018.

SẢN XUẤT CÁC NHÓM SẢN PHẨM CHÍNH CỦA NGÀNH DỆT MAY

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Thống kê)



Phân tích từng khâu trong chuỗi cung ứng:

• Hàng may mặc:

Chỉ số sản xuất trang phục tăng 6,9%, thấp hơn so với mức tăng 11,1% trong năm 2018, sản lượng quần áo mặc thường ước đạt 5.120 triệu chiếc, tăng 7,7% so với năm 2018.

Hiện nay, ngành may mặc Việt Nam mới chủ yếu tham gia vào phần thứ 3 trong chuỗi cung ứng dệt may là cắt và may; rất ít thực hiện các khâu thiết kế, marketing và phân phối sản phẩm. Giá trị gia tăng của ngành còn ở mức rất thấp, chỉ 5 - 10%. Phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa.

• Tơ, sợi:

Sản lượng sợi của Việt Nam không ngừng tăng qua các năm: từ mức 810,2 nghìn tấn vào năm 2010, tăng gấp hơn 3 lần lên trên 2,8 triệu tấn như hiện nay.

Đối với ngành sợi, hiện sản xuất trong nước chủ yếu tập trung sợi tơ tổng hợp, chiếm khoảng 61,7% tổng sản lượng sợi. Ngoài sản phẩm sợi dệt kim được sử dụng cho sản xuất dệt may trong nước, các loại sợi khác chủ yếu được xuất khẩu do khâu nhuộm hoàn tất còn hạn chế.

Thiết bị kéo sợi của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có trình độ công nghệ khá.



● **Dệt:**

Ngành vải may của Việt Nam hiện nay đạt sản lượng khoảng 2 tỷ m²/năm, đáp ứng được khoảng 25% nhu cầu thị trường trong nước. Vải sản xuất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu...

Hầu hết thiết bị dệt thoi ở trình độ công nghệ trung bình khá; năng suất và chất lượng đạt mức trung bình.

● **Nhuộm, in hoa và hoàn tất:**

Ước tính sơ bộ Việt Nam hiện có khoảng 180 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhuộm in hoa và xử lý hoàn tất vải; có khoảng 66 dây chuyền in hoa; 193 dây chuyền nhuộm liên tục, 750 máy nhuộm gián đoạn và khoảng 100 thiết bị nhuộm dạng sợi.

Do công đoạn nhuộm và hoàn tất của Việt Nam còn chưa phát triển nên các doanh nghiệp phải xuất vải mộc chưa qua nhuộm và hoàn tất, sau đó nhập khẩu vải đã qua xử lý về sử dụng. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng phần lớn sản phẩm dệt trong nước đều phải xuất khẩu mà không được tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

Một số doanh nghiệp trong nước đã chuyển đổi dây chuyền hoàn tất vải len và vải bông với thiết bị châu Âu có trình độ tiên tiến. Hầu hết các dây chuyền nhuộm hoàn tất đều chưa được quản lý và khai thác công nghệ tương xứng với tính năng thiết bị. Đây là điểm yếu nhất của ngành dệt quốc doanh Việt Nam.

● **Sản xuất phụ liệu dệt may:**

Sản xuất phụ liệu dệt may là lĩnh vực được chú trọng thu hút đầu tư nhưng hiện trong nước chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu.

Các loại khuy, cúc, mex và khóa kéo phải nhập khẩu với số lượng lớn và nguồn cung chủ yếu từ Trung Quốc.

Đối với sản xuất mực, một số công ty trong nước đã sản xuất được loại mực có chất lượng tương đương với mực của Trung Quốc. Tuy nhiên, những loại mực đáp ứng được tiêu chuẩn cao của châu Âu thì Việt Nam mới đang trong giai đoạn nghiên cứu.



2. Tình hình xuất khẩu của Việt Nam



Việt Nam là một trong năm nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới. Năm 2019 chỉ đứng sau Trung Quốc và Bangladesh



Kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam đã tăng gấp gần 3 lần, từ mức 11,2 tỷ USD lên 32,8 tỷ USD trong giai đoạn 2010-2019, chiếm 6,25% thị phần dệt may trên thế giới

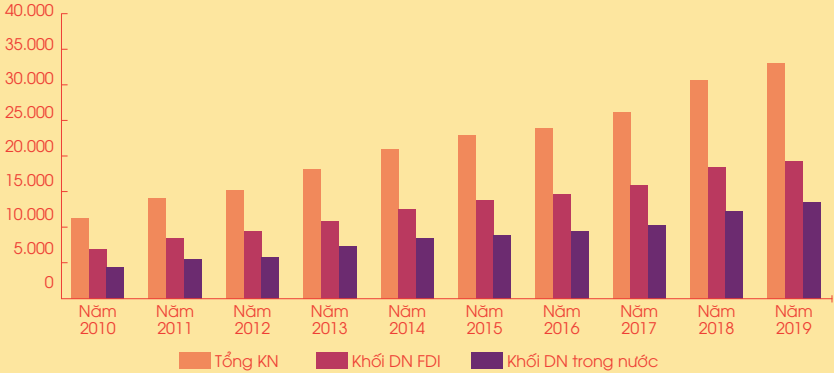
Trên bản đồ dệt may thế giới, Việt Nam và Bangladesh có lợi thế lớn nhờ chi phí nhân công giá rẻ và số lượng nhà máy sản xuất đông đảo. Trong đó, Bangladesh thường thực hiện các đơn hàng có khối lượng lớn nhưng yêu cầu kỹ thuật đơn giản và điều kiện lao động ở mức thấp. Phần lớn các nhà xuất khẩu chưa tiếp cận được trực tiếp với khách hàng, phụ thuộc nhiều vào các công ty nước ngoài làm trung gian (chủ yếu là Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc).

Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp dệt may đang nỗ lực xây dựng thương hiệu, tiếp cận trực tiếp thị trường và các kênh phân phối tại các thị trường lớn.

Số sánh với các doanh nghiệp FDI, tỷ trọng của các doanh nghiệp trong nước trong tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam vẫn thấp hơn và chỉ tăng nhẹ sau 10 năm, từ 39,2% vào năm 2010 lên mức 41,1% vào năm 2019. Trong đó, các doanh nghiệp FDI vẫn chiếm tới 59% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam.

SO SÁNH KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP FDI GIAI ĐOẠN 2010-2019 (ĐVT: TRIỆU USD)

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)



Các thị trường xuất khẩu dệt may chính của Việt Nam: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc



Xuất khẩu sang thị trường EU chiếm 11,08% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc, với mức tăng trưởng hàng năm 7 - 10%

Năm 2019, xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang thị trường EU tăng 4,8% so với năm 2018 và chiếm 11,08% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc chung của Việt Nam. So với tốc độ tăng trưởng chung đối với các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, xuất khẩu sang EU chưa tương xứng khi quy mô và khả năng tiêu thụ của thị trường này còn rất lớn.

BẢNG 1: XUẤT KHẨU DỆT MAY SANG EU-28

(Đvt: tỷ USD)

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)

Năm	2016	2017	2018	2019
Tổng XK dệt may	23,82	26,03	30,48	32,85
XK dệt may sang EU	3,50	3,73	4,09	3,64
Tổng XK hàng hóa sang EU		38,33	41,95	41,54
Tỷ trọng của EU trong tổng KNXK dệt may (%)		14,33	13,42	11,08
Tỷ trọng của dệt may trong tổng KNXK sang EU (%)		9,73	9,75	8,76



Trong số các thành viên của EU-27, riêng 4 thị trường lớn là Đức, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha và Bỉ đã chiếm gần 70% xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang EU.

BẢNG 2: CHI TIẾT XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU-27 NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)

Chủng loại	Năm 2019 (Nghìn USD)	Năm 2019 so 2018 (%)	Tỷ trọng của thị trường năm 2019 (%)	Tỷ trọng của thị trường năm 2018 (%)
Tổng KNXX dệt may	32.850.225	7,79	100,00	100,00
Xuất khẩu dệt may sang EU, trong đó:	3.640.649	4,78	11,08	11,40
Đức	804.596	1,98	22,10	22,71
Hà Lan	691.030	12,64	18,98	17,66
Pháp	592.136	-2,82	16,26	17,54
Tây Ban Nha	432.173	-6,72	11,87	13,33
Bỉ	353.509	39,34	9,71	7,30
Italia	294.430	12,03	8,09	7,56
Đan Mạch	78.221	-18,04	2,15	2,75
Thụy Điển	77.684	-10,52	2,13	2,50
Ba Lan	62.548	13,03	1,72	1,59
Áo	35.150	-15,46	0,97	1,20
Ái Len	26.219	13,33	0,72	0,67
Croatia	18.502	26,53	0,51	0,42
Phần Lan	14.133	-4,40	0,39	0,43
Slovenia	13.301	2,98	0,37	0,37
CH Séc	12.343	-7,37	0,34	0,38
Hy Lạp	8.049	8,06	0,22	0,21
Latvia	2.834	222,21	0,08	0,03
Malta	1.408	37,51	0,04	0,03
Hungary	1.093	-65,91	0,03	0,09
Lithuania	981	79,95	0,03	0,02
Slovakia	981	-14,19	0,03	0,03
Romania	929	-36,12	0,03	0,04
Bồ Đào Nha	789	-17,03	0,02	0,03
Estonia	624	-69,15	0,02	0,06
Bulgaria	365	-16,87	0,01	0,01
Cyprus	38	-8,61	0,00	0,00

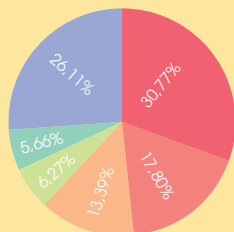


Chủng loại xuất khẩu:

10 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất gồm áo jacket, quần, áo thun, đồ lót, áo sơ mi, quần áo trẻ em, quần short, quần áo bảo hộ lao động, váy, quần áo bơi, chiếm 88,42% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang EU

CƠ CẤU CHỦNG LOẠI HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU SANG EU NĂM 2019

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)



EU cũng là thị trường tiêu thụ chính cho một số sản phẩm may mặc của Việt Nam như caravat, khăn bàn, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, quần áo mưa, áo gió, áo đạo hồi... Đặc biệt 91% kim ngạch xuất khẩu mặt hàng caravat của Việt Nam là sang EU.

BẢNG 3: CHỦNG LOẠI HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU-27 NĂM 2019

(Nguồn: Theo số liệu Tổng cục Hải quan)

Chủng loại	Năm 2019 (Nghìn USD)	Năm 2019 so năm 2018 (%)	Tỷ trọng của mặt hàng trong tổng XK dệt may sang EU năm 2019 (%)	Tỷ trọng của mặt hàng trong tổng XK dệt may sang EU năm 2018 (%)	Tỷ trọng xuất khẩu sang EU trong tổng KNXK (%)
Tổng	3.640.649	4,78	100,00	100,00	11,08
Áo jacket	1.002.510	-6,23	27,54	30,77	15,76
Quần	670.924	8,51	18,43	17,80	11,92
Áo thun	493.821	6,16	13,56	13,39	7,43
Đồ lót	249.848	14,66	6,86	6,27	15,53
Áo sơ mi	228.718	16,29	6,28	5,66	12,97
Quần áo trẻ em	149.750	-0,58	4,11	4,33	6,88
Quần sooc	117.080	5,39	3,22	3,20	11,68
Quần áo bảo hộ lao động	114.293	-4,55	3,14	3,45	23,93
Váy	102.050	3,00	2,80	2,85	6,88
Quần áo bơi	90.349	18,34	2,48	2,20	25,00
Găng tay	88.547	9,92	2,43	2,32	23,75
Quần áo Vest	52.822	7,42	1,45	1,42	16,96
Vải	50.335	-0,40	1,38	1,45	2,56
Quần áo ngủ	24.354	26,05	0,67	0,56	8,30
Áo len	22.969	35,94	0,63	0,49	5,56
Bít tất	19.474	8,08	0,53	0,52	13,36
Áo Ghile	14.747	-21,96	0,41	0,54	14,13
Jumpsuit	11.630	726,72	0,32	0,04	10,03
Phụ liệu may	9.402	15,74	0,26	0,23	11,03

Chủng loại	Năm 2019 (Nghìn USD)	Năm 2019 so năm 2018 (%)	Tỷ trọng của mặt hàng trong tổng XK dệt may sang EU năm 2019 (%)	Tỷ trọng của mặt hàng trong tổng XK dệt may sang EU năm 2018 (%)	Tỷ trọng xuất khẩu sang EU trong tổng KNXK (%)
Áo đạo hồi	6.713	58,57	0,18	0,12	20,58
Quần Jean	5.805	61,77	0,16	0,10	5,35
Quần áo mưa	5.379	24,09	0,15	0,12	19,54
Khăn bông	4.183	30,72	0,11	0,09	1,43
Caravat	2.740	-11,41	0,08	0,09	91,45
Áo gió	1.218	38,78	0,03	0,03	21,14
Khăn bàn	1.127	29,48	0,03	0,03	57,37
Áo nỉ	969	-30,25	0,03	0,04	2,14
Khăn	910	-10,44	0,02	0,03	17,48
Màn	563	9,43	0,02	0,01	0,52

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

1. Nhu cầu nhập khẩu

Theo Liên đoàn Dệt may EU (EURATEX), với mức tiêu thụ hộ gia đình gần 500 tỷ euro, EU-27 được đánh giá là thị trường có dung lượng lớn nhất thế giới và còn nhiều tiềm năng cho các sản phẩm dệt may.

EU là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất, chiếm 34% tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may thế giới. Tổng nhu cầu hàng may mặc của thị trường này tăng trưởng bình quân 3%/năm. Năm 2019, doanh số bán lẻ hàng dệt may, giày dép của EU vẫn tăng trưởng 4% so với năm 2018.

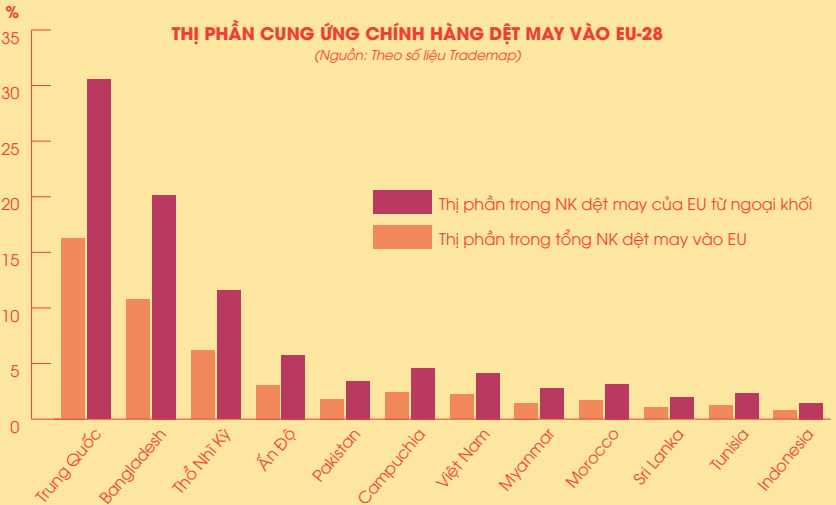
Theo số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu, năm 2019 nhập khẩu hàng may mặc của EU đạt 153,87 tỷ Euro (172,8 tỷ USD), tăng 4,3% so với năm 2018. Trong đó, nhập khẩu từ thị trường nội khối tăng 4,49%; nhập khẩu từ thị trường ngoại khối tăng 4,21%.



2. Các nguồn cung ứng chính



Thị phần hàng dệt may Việt Nam tại thị trường EU mới chỉ chiếm khoảng 2% tổng kim ngạch nhập khẩu dệt may vào EU và 4,15% tổng nhập khẩu từ thị trường ngoài khối, nên còn nhiều dư địa để ngành dệt may Việt Nam gia tăng xuất khẩu vào thị trường EU sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực



Các quốc gia EU nhập khẩu hàng may mặc từ các nước đang phát triển và tái xuất khẩu cho chính các quốc gia khác trong khối EU. Chính vì thế, hàng dệt may các nước EU xuất khẩu nội khối chiếm hơn 40% tổng nhập khẩu của thị trường này. Khoảng gần 60% lượng nhập khẩu còn lại đến từ các nước ngoài khối EU, chủ yếu là các nước đang phát triển.

BẢNG 4: NHẬP KHẨU HÀNG DỆT MAY VÀO EU-28 TỪ CÁC NGUỒN CUNG ỨNG CHÍNH (NHÓM HÀNG MÃ HS 61 & 62)

(Nguồn: Theo số liệu Trademap)

Nguồn cung ứng	Năm 2019 (tỷ USD)	Năm 2019 so năm 2018 (%)	Thị phần của nguồn cung ứng trong tổng NK vào EU (%)		Thị phần của các nguồn cung ứng trong tổng NK từ ngoại khối (%)	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Tổng NK vào EU	187,42	0,13	100,00	100,00		
NK nội khối	87,38	-5,51	46,62	49,41		
NK ngoại khối, trong đó:	100,04	5,64	53,38	50,59		
Trung Quốc	30,54	1,17	16,29	16,13	30,52	31,87
Bangladesh	20,17	9,80	10,76	9,82	20,16	19,40
Thổ Nhĩ Kỳ	11,57	5,35	6,17	5,87	11,56	11,60
Ấn Độ	5,77	4,96	3,08	2,94	5,76	5,80
Pakistan	3,42	11,46	1,82	1,64	3,42	3,24
Campuchia	4,59	3,62	2,45	2,37	4,59	4,68

Nguồn cung ứng	Năm 2019 (tỷ USD)	Năm 2019 so năm 2018 (%)	Thị phần của nguồn cung ứng trong tổng NK vào EU (%)		Thị phần của các nguồn cung ứng trong tổng NK từ ngoại khối (%)	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Việt Nam	4,15	10,67	2,21	2,00	4,15	3,96
Myanmar	2,74	43,20	1,46	1,02	2,74	2,02
Morocco	3,16	2,89	1,69	1,64	3,16	3,24
Sri Lanka	1,96	11,84	1,04	0,93	1,96	1,85
Tunisia	2,28	-1,29	1,22	1,23	2,28	2,44
Indonesia	1,45	6,76	0,77	0,72	1,45	1,43
AI CẬP	0,52	2,89	0,28	0,27	0,52	0,53
Albania	0,48	3,62	0,25	0,24	0,47	0,48
Serbia	0,48	2,66	0,26	0,25	0,48	0,49

Bangladesh và Campuchia được hưởng chế độ miễn thuế nhập khẩu theo Chương trình EBA (Everything but Arm – Miễn thuế tất cả các mặt hàng trừ vũ khí), Pakistan cũng được miễn thuế nhập khẩu theo chương trình GSP+. Việt Nam mặc dù cũng được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan GSP nhưng chỉ là “GSP tiêu chuẩn – Standard GSP” ở mức 9,6%.

Các chế độ ưu đãi thuế quan GSP+ và EBA giúp các nhà cung cấp đó có lợi thế cạnh tranh lớn về giá so với Việt Nam. Điều này cũng lý giải vì sao thị phần xuất khẩu của Việt Nam tại thị trường EU duy trì quanh mức 2-3%. Tuy nhiên, điều này sẽ được cải thiện khi Hiệp định EVFTA mang lại những lợi thế vượt trội về thuế cho hàng dệt may Việt Nam.

DANH SÁCH MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á CẠNH TRANH DỆT MAY ĐƯỢC HƯỞNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI THUẾ CỦA EU

GSP tiêu chuẩn - Standard GSP (thuế nhập khẩu 9,6%)	GSP + (thuế nhập khẩu 0%) cho các quốc gia kém phát triển	EBA (Miễn thuế)
Việt Nam	Pakistan	Bangladesh
Indonexia	Sri Lanka	Campuchia
Ấn Độ	Phillippines	Lào
Trung Quốc		Myanma

3. Thị hiếu, xu hướng tiêu thụ

Thị trường EU có nhu cầu tiêu dùng hàng may mặc rất đa dạng và chú trọng nhiều đến giá cả, tính thời trang, chất lượng...; đồng thời ngày càng quan tâm đến các sản phẩm mang yếu tố bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.



Kết quả khảo sát mới đây của Chương trình xúc tiến nhập khẩu Thụy Sĩ (SIPPO) cho thấy hậu dịch Covid-19, người dân EU có 2 xu hướng tiêu dùng: (1) Một số muốn bù đắp thời gian giãn cách do dịch bệnh sẽ mua sắm nhiều hơn (xu hướng này sẽ kéo thị trường nhanh trở về thời điểm trước dịch bệnh); (2) Số khác tiêu dùng một cách thận trọng và quan tâm nhiều hơn tới yếu tố môi trường và trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, các chuyên gia nhận định xu hướng tiêu dùng thứ hai nhiều khả năng xảy ra hơn bởi công việc của người dân EU bị ảnh hưởng, thu nhập kém đi, tiêu dùng thận trọng là điều tất yếu. Ngoài ra, ngành dệt may vẫn bị đánh giá ảnh hưởng không tích cực tới môi trường; theo đó thời trang nhanh, thời trang giá rẻ không chú trọng môi trường đang bị người tiêu dùng đánh giá thấp hơn, thậm chí hạn chế mua những sản phẩm như vậy. Thống kê mới đây cho thấy 77% người tiêu dùng EU quan tâm đến điều kiện môi trường, 72% chú trọng đến các dịch vụ liên quan sản phẩm và 51% chú ý đến chất lượng.

Ngoài ra, trong bối cảnh nhu cầu thay đổi sản phẩm thời trang cao và xu hướng cá nhân hóa sản phẩm, việc liên tục thay đổi kiểu dáng và mẫu mã sản phẩm trở nên cần thiết. Phương thức sản xuất đại trà dần thay đổi theo hướng giảm thiểu về quy mô mỗi lô hàng để tránh tồn kho cao. Hiện nay, người tiêu dùng đã có thể thiết kế riêng sản phẩm dệt may theo phong cách cá nhân của riêng mình như lựa chọn màu sắc, họa tiết, chất liệu, chiều dài, độ rộng, thiết kế, mẫu mã và đặt hàng trực tiếp từ nhà sản xuất.

Nhà sản xuất dệt may cần nhanh chóng thay đổi phương thức sản xuất để bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới. Thay vì chờ đợi những đơn hàng lớn, doanh nghiệp cần chú trọng sản xuất đơn hàng nhỏ có tính khác biệt, thời gian giao hàng nhanh. Đồng thời, linh hoạt trong sản xuất và quản lý để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

4. Một số vấn đề về phân phối, logistics

Gần đây, EU có xu hướng tăng nhập khẩu hàng may mặc từ thị trường nội khối. Năm 2019, nhập khẩu từ thị trường nội khối chiếm 48,16%, tăng so với tỷ trọng 48,06% của năm 2018 và tăng so với tỷ trọng 47,55% của năm 2017.

Xu hướng tăng nhập khẩu hàng may mặc từ thị trường nội khối sẽ tiếp tục trong thời gian tới đặc biệt là trong bối cảnh bảo hộ thương mại toàn cầu có dấu hiệu gia tăng và các nguy cơ về dịch bệnh, địa chính trị khiến các kênh phân phối, vận chuyển, logistics xuyên lục địa rủi ro hơn. Điều này sẽ khiến tạo ra áp lực cạnh tranh lớn hơn các nhà cung cấp hàng may mặc ngoại khối.

Do đó, ưu đãi thuế là một thuận lợi lớn nhưng chỉ là lợi thế so với các nhà cung ứng ngoại khối khác, để tăng được thị phần tại EU cũng đòi hỏi những nỗ lực trong việc cải thiện chất lượng, thương hiệu và khả năng thâm nhập tốt các kênh phân phối.

Ngoài ra, xu hướng tiêu dùng trên thế giới đối với các sản phẩm nói chung là giảm dần mua sắm qua các kênh bán lẻ truyền thống và tăng mua sắm qua các phương tiện thương mại điện tử. Tại các thị trường tiêu thụ sản phẩm dệt may lớn như Mỹ, Nhật, EU khoảng 30% - 40% người tiêu dùng giảm tiêu thụ sản phẩm qua các cửa hàng bán lẻ truyền thống. Do vậy, doanh nghiệp cần lưu ý phát triển thêm các phương thức bán hàng online để bắt kịp xu hướng.

III. LỢI THẾ TỪ HIỆP ĐỊNH EVFTA

1. Thuế quan



Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đối với ngành dệt may, dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào EU sẽ tăng khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định



100% các mặt hàng dệt may của Việt Nam sẽ được giảm thuế nhập khẩu về 0% sau tối đa 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Ưu đãi EVFTA đem lại là vượt trội so với cơ chế GSP đang được hưởng

Cụ thể, theo thống kê của Bộ Công Thương đối với mặt hàng dệt may, EU sẽ xóa bỏ thuế quan với 77,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sau 5 năm, trong đó khoảng 18% KNKK về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và 22,7% kim ngạch còn lại sẽ được xóa bỏ sau 7 năm.

Thuế suất cơ sở cho hàng may mặc là 12%, từ mức thuế này các mặt hàng sẽ về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc về 0% theo lộ trình B3, B5, B7, tức sau 3 – 7 năm từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Các mặt hàng may mặc xuất khẩu vào EU	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Nhóm A (về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực)	802,6	18
Nhóm B3 (-3%/năm, về 0% sau 3 năm)	254,8	5,7
Nhóm B5 (-2%/năm, về 0% sau 5 năm, năm đầu ở mức 10%, cao hơn GSP đang hưởng 9,6%)	2.480,7	55,79
Nhóm B7 (-1,5%, về 0% sau 7 năm, năm đầu ở mức 10,5%, cao hơn GSP đang hưởng 9,6%)	920,9	20,7

BẢNG 5: LỘ TRÌNH GIẢM THUẾ CHO TOP 10 NHÓM HÀNG XUẤT KHẨU LỚN NHẤT VÀO EU

HS	Mô tả		GSP đang được hưởng	Lộ trình EVFTA	2020	2021	2022	2023
6201	Áo khoác ngoài, áo choàng cho nam giới hoặc trẻ em trai		9,6%	B7 (-1,5%/năm)	10,5%	9%	7,5%	6%
	trừ 6201.93	Loại khác - Từ sợi nhân tạo		B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
6204	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazer cho phụ nữ hoặc trẻ em gái		9,6%	Đa số là A (0% ngay)	0%	0%	0%	0%
	Trừ 6204.13	Bộ com lê từ sợi tổng hợp		B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
	6204.32/33	Áo jacket/blazer từ bông/sợi tổng hợp						
	6204.39	Áo jacket/blazer từ các vật liệu dệt khác		B3 (-3%/năm)	9%	6%	3%	0%
6203	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazer cho nam giới hoặc trẻ em trai		9,6%	Đa số là B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
	trừ 6203.19	Bộ com lê từ bông/ xơ tái tạo/ vật liệu dệt khác		A (0% ngay)	0%	0%	0%	0%
	6203.31	Áo jacket/ blazer từ len						
	6203.49	Quần từ xơ tái tạo		B3 (-3%/năm)	9%	6%	3%	0%
	6203.11/12	Bộ com lê từ len/ sợi tổng hợp		B7 (-1,5%/năm)	10,5%	9%	7,5%	6%
6202	Áo khoác ngoài, áo choàng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái		9,6%	Đa số B7	10,5%	9%	7,5%	6%
	trừ 02.12.90/ 6202.13.90	từ bông/sợi nhân tạo có trọng lượng trên 1kg tính trên quần áo		B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
6109	Áo phông, áo may ô và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc		9,6%	B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
6110	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc		9,6%	B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%

HS	Mô tả		GSP đang được hưởng	Lộ trình EVFTA	2020	2021	2022	2023
6104	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, blazers cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc		9,6%	Đa số là A (0% ngay)	0%	0%	0%	0%
	trừ 6104.43	Váy từ sợi tổng hợp		B3 (-3%/năm)	9%	6%	3%	0%
	6104.63	Quần dài từ sợi tổng hợp		B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
	6104.33	Áo Jacket/blazer từ sợi tổng hợp						
	6104.53	Chân váy từ sợi tổng hợp						
6210	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 5602, 5603, 5903, 5906 hoặc 5907		9,6%	B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%
6307	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may		5-9,6%	A (0% ngay)	0%	0%	0%	0%
6205	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai		9,6%	Đa số B7	10,5%	9%	7,5%	6%
	trừ 6205.20	từ bông		B5 (-2%/năm)	10%	8%	6%	4%

Đề hưởng ưu đãi thuế của Hiệp định EVFTA phải đáp ứng quy tắc xuất xứ yêu cầu 2 công đoạn từ vải trở đi



Hiệp định EVFTA quy định tiêu chí xuất xứ cho sản phẩm dệt may là tiêu chí công đoạn, nghĩa là (i) công đoạn dệt vải và (ii) công đoạn may thành phẩm phải được thực hiện tại Việt Nam hoặc EU. Với quy định xuất xứ như vậy, vải sử dụng để cắt may phải có xuất xứ từ Việt Nam hoặc EU.

Bên cạnh đó, EU cũng dành cơ chế linh hoạt cho Việt Nam đối với quy tắc hai công đoạn này. Cụ thể, Việt Nam được phép **cộng gộp mở rộng** với các nước đối tác FTA chung của Việt Nam và EU. Theo đó, các nhà sản xuất Việt Nam được phép sử dụng vải có xuất xứ Hàn Quốc – cũng là quốc gia đang chiếm 16% tổng kim ngạch nhập khẩu vải của Việt Nam để sản xuất ra sản phẩm dệt may xuất khẩu đi EU và hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA.

Hiện phía Việt Nam đang trong quá trình hoàn tất đàm phán với Hàn Quốc để thông báo cho EU triển khai việc cộng gộp này. Do đó, doanh nghiệp sử dụng vải Hàn Quốc muốn hưởng thuế ưu đãi phải chờ thông báo chính thức áp dụng để xin C/O cấp sau.



Các mặt hàng rơi vào nhóm B5 và B7 (tức thuế suất giảm dần về 0% sau 5 năm đến 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực) trong năm 2020 thuế nhập khẩu theo EVFTA sẽ cao hơn GSP. Do đó, các doanh nghiệp cần nhắc lựa chọn tiếp tục sử dụng GSP



Xin cấp C/O theo mẫu tại các tổ chức cấp C/O của Bộ Công Thương theo quy định tại Thông tư 11/2020/TT-BCT, ngày 15/6/2020 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA. Chương trình tự chứng nhận xuất xứ REX hưởng GSP vẫn được duy trì áp dụng thêm 2 năm nếu doanh nghiệp lựa chọn áp dụng GSP

2. Đầu tư

Hiệp định EVFTA sẽ tạo điều kiện thu hút nguồn đầu tư nước ngoài xây dựng và mở rộng sản xuất tại Việt Nam để hoàn thiện chuỗi giá trị giúp hàng dệt may đáp ứng xuất xứ và hưởng thuế quan ưu đãi khi xuất khẩu đi EU.

Bên cạnh đó, cùng với cơ chế linh hoạt cộng gộp mở rộng, trong tương lai, khi EU và Việt Nam có thêm nhiều đối tác FTA chung, sẽ càng thúc đẩy các nhà đầu tư phát triển chuỗi cung ứng và gia công, sản xuất tại Việt Nam.

Nhờ những lợi thế về thuế quan và xu hướng đa dạng hóa nguồn cung trên thế giới, trong trung dài hạn, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội từ làn sóng dịch chuyển sản xuất gia công, điển hình trong lĩnh vực dệt may. Tuy nhiên, trong dài hạn nếu không có giải pháp đi sâu vào trong chuỗi giá trị (ODM, OEM), những lợi thế về chi phí của Việt Nam sẽ mất dần đi và gặp phải áp lực cạnh tranh lớn từ các quốc gia như Campuchia, Bangladesh hay thậm chí từ chính các doanh nghiệp FDI may mặc chuyển dịch từ Trung Quốc sang nhằm tận dụng các cơ hội về ưu đãi thuế.



Xuất khẩu hàng may mặc của EU sang phần còn lại của thế giới chiếm hơn 30% thị trường thế giới; đồng thời EU cũng được coi là nơi cung cấp các công nghệ nguồn và các trung tâm thời trang hàng đầu thế giới, do đó có thể thu hút đầu tư từ EU cho lĩnh vực sản xuất các sản phẩm thời trang.

IV. QUY ĐỊNH, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐỂ XUẤT KHẨU VÀO EU

1. Các quy định, tiêu chuẩn hiện hành



Tính an toàn sản phẩm

Mọi sản phẩm lưu hành tại châu Âu phải đảm bảo tuân thủ các quy định trong Chỉ thị chung về An toàn Sản phẩm (The European Union General Product Safety Directive) số 2001/95/EC, ngày 03/12/2001.

Ngoài ra, một số sản phẩm dệt may cụ thể có áp dụng các yêu cầu an toàn riêng. Nếu sản phẩm của doanh nghiệp bị coi là không an toàn sẽ bị từ chối hoặc rút khỏi thị trường châu Âu.



Quy định về Đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất (REACH)

Châu Âu áp dụng Quy định pháp lý phổ biến nhất cho các sản phẩm may mặc xuất khẩu sang EU REACH số 1907/2006 ngày 18/12/2006. Quy định này hạn chế sử dụng nhiều loại hóa chất trong dệt may và da. Việc sử dụng các hóa chất trong may mặc bị hạn chế bởi các giới hạn về lượng (mg hoặc kg) hoặc bị cấm hoàn toàn.

Tại một số nước EU có quy định quốc gia bổ sung về các hóa chất cụ thể. Ví dụ: Áo, Phần Lan, Đức, Na Uy và Hà Lan có các quy định cụ thể đối với formaldehyd trong hàng dệt may; Áo, Đan Mạch, Đức và Hà Lan cũng có các quy định cụ thể đối với PCP; trong khi Đức cũng có các quy định về phân tán thuốc nhuộm trong dệt may; Thụy Sĩ có quy định riêng về hóa chất ORRChem.

Quy định REACH được cập nhật hai lần một năm. Bản cập nhật mới nhất của REACH sẽ hạ thấp giới hạn hạn chế của 33 hóa chất được coi là gây ung thư, gây đột biến hoặc gây độc cho sinh sản. Quy định mới sẽ có hiệu lực vào ngày 01/11/ 2020.



Hạn chế sử dụng một số chất hóa học trong sản phẩm

Quy định EC số 1907/2006, ngày 18/12/2006 nghiêm cấm hoặc hạn chế các chất sau trong quá trình sản xuất hoặc thành phẩm dệt may: Tris (2,3 dibromopropyl) phosphate, Tris (aziridinyl) phosphin oxide, PBB, mercury, Dioclytlin (DOT), Nickel, Azodyes, Nonylphenol ethoxylates, Chromium VI, PAH, PFOA và một vài chất khác.

Quy định EU số 2019/1021, ngày 20/6/2019 cũng cấm các chất ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các sản phẩm dệt may như Tetrabromodiphenyl ether, Pentabromodiphenyl ether...

Ngoại trừ những sản phẩm diệt khuẩn được cho phép trong Quy định EU số 528/2012, ngày 22/5/2012, không có chất diệt khuẩn nào khác được dùng trong sản phẩm.

Ngoại trừ những sản phẩm diệt khuẩn được cho phép trong Quy định EU số 528/2012, ngày 22/5/2012, không có chất diệt khuẩn nào khác được dùng trong sản phẩm.



Chất diệt khuẩn

Nếu doanh nghiệp thêm chất diệt khuẩn vào đồ may mặc để bảo vệ con người, động vật nhằm ngăn chặn các sinh vật gây hại như vi khuẩn, sâu bệnh thì phải tuân thủ Quy định Sản phẩm chất diệt khuẩn sinh vật châu Âu (BPR), cũng như REACH.



Các hợp chất hữu cơ bền

Việc sử dụng các hợp chất hữu cơ bền (POPs) cũng bị cấm, mặc dù trong đa số trường hợp không được quy định trong REACH mà được quy định trong Công ước Stockholm (Quy định EU số 2019/1021). POPs đôi khi được sử dụng để làm vải chống nước hoặc chống cháy, hoặc trong công đoạn cuối cùng trong quá trình sản xuất da.



Danh sách các chất hạn chế sử dụng (RSLs)

Ngoài quy định REACH, nhiều thương hiệu thời trang và nhà bán lẻ đã tự xây dựng danh sách các chất hạn chế sử dụng (RSL) nghiêm ngặt hơn REACH. RSL dành riêng cho người mua, thường được lấy từ Chương trình Mục tiêu hóa chất nguy hiểm bằng không về sử dụng hóa chất an toàn (ZDHC). ZDHC là một nền tảng ra đời từ năm 2011 từ "Chiến dịch giảm thiểu tối đa các chất nguy hại cho môi trường" bởi Greenpeace, nhằm mục đích thực hành quản lý hóa chất an toàn hơn trong ngành may mặc.



Yêu cầu đặc biệt về đồ may mặc cho trẻ con

EU có tiêu chuẩn cụ thể về an toàn trong đồ may mặc cho trẻ con bao gồm quy định nhằm đảm bảo dây và dây rút được đặt một cách an toàn vào quần áo dành cho trẻ dưới 14 tuổi.



Công ước CITES

Một số động thực vật được loại trừ hoàn toàn trong việc sử dụng đối với ngành may mặc; một số khác bị hạn chế nhập khẩu.

Quy định EC số 338/97, ngày 09/12/1996 về bảo vệ động vật hoang dã, dựa trên Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng (CITES).

Cấm nhập khẩu các sản phẩm làm từ bộ phận da, lông hoặc da thú thô của con hải cẩu theo Quy định EC số 1007/2009, ngày 16/9/2009.

Doanh nghiệp cần kiểm tra danh mục động vật thực vật nào bị hạn chế sử dụng trên trang web của Văn phòng Trợ giúp Thương mại của Liên minh châu Âu - EU Trade Helpdesk.



Yêu cầu riêng đối với vật liệu cơ sở

Việc sản xuất vật liệu cơ bản (sợi và phi dệt như da, lông) có tác động đến việc sử dụng nước, hóa chất, năng lượng và ảnh hưởng tiêu cực đến yếu tố phúc lợi. Để giảm thiểu những rủi ro này, nhà nhập khẩu có thể yêu cầu doanh nghiệp lấy nguồn nguyên liệu cơ bản từ nhà cung cấp được chứng nhận. Các tiêu chuẩn và chứng nhận riêng sau đây là phổ biến nhất ở thị trường châu Âu:

BCI (Sáng kiến Bông Bền vững – Better Cotton Initiative): sáng kiến giúp cải thiện điều kiện trồng bông trên toàn cầu.

GRS (Tiêu chuẩn Tái chế Toàn cầu): tiêu chuẩn về vật liệu tái chế, bao gồm các tiêu chí trách nhiệm xã hội và môi trường cũng như quản lý hóa chất.

RDS (Responsible Down Standard) và RWS (Responsible Wool Standard): tiêu chuẩn đảm bảo các tiêu chí bảo vệ động vật.

Yêu cầu riêng cho chế biến dệt và vải

Các tiêu chuẩn và chứng nhận sau đây có thể được yêu cầu để đảm bảo rằng hàng dệt và vải đã được sản xuất đảm bảo bảo vệ môi trường. Các thương hiệu và nhà bán lẻ châu Âu sử dụng các tiêu chuẩn này là: Peek & Cloppenburg (Oeko-tex), Zalando (EU Ecolabel), C & A (GOTS) và G-Star (Bluesign).

Tiêu chuẩn 100 của Oeko-tex - Nhân đảm bảo người tiêu dùng rằng tất cả các vật liệu được sử dụng trong quần áo đều được kiểm tra về các chất có hại.

Nhân sinh thái EU (EU Ecolabel) - Nhân đảm bảo người tiêu dùng rằng hàng dệt được sản xuất bằng cách sử dụng các chất ít độc hại hơn.

GOTS (Tiêu chuẩn Dệt hữu cơ toàn cầu) - Tiêu chuẩn bao gồm các khâu từ sản xuất đến phân phối hàng dệt được làm từ ít nhất 70% sợi tự nhiên hữu cơ.

Bluesign - Hệ thống Bluesign giảm tác động đến con người và môi trường trong toàn bộ chuỗi cung ứng dệt may dựa trên quản lý luồng đầu vào.



Yêu cầu riêng cho việc sản xuất hàng may mặc

Một số tiêu chuẩn và chứng chỉ trong ngành dệt may nhằm khuyến khích đối xử công bằng với người lao động trong ngành sản xuất hàng may mặc. Dưới đây là một số tiêu chuẩn được yêu cầu phổ biến nhất bởi người mua châu Âu:

BSCI (Sáng kiến Tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh). Đối với nhiều người mua ở châu Âu, BSCI là chứng nhận phổ biến nhất và là một hệ thống quản lý chuỗi cung ứng giúp các nhà sản xuất thúc đẩy tuân thủ trách nhiệm xã hội.

Các tiêu chuẩn phổ biến khác đảm bảo quyền của người lao động là SA8000, ISO 26000, FWF (Quỹ May mặc bình đẳng - Fair Wear Foundation) và Fairtrade.

Một tiêu chuẩn quản lý môi trường phổ biến là ISO 14001.

Giới hạn chất lượng ở mức chấp nhận (Acceptable Quality Limit)

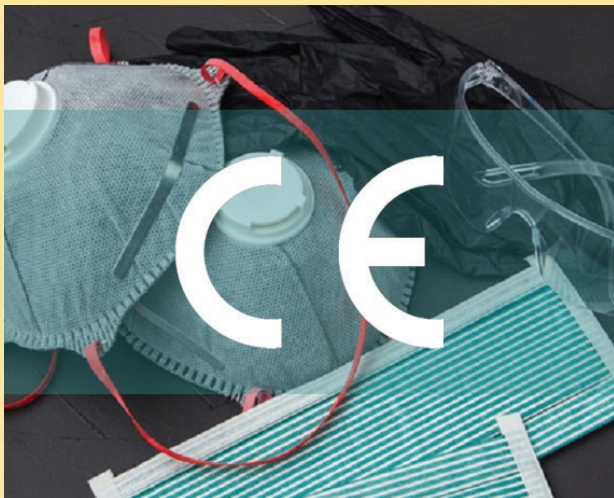
Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, người mua có thể đặt ra giới hạn về mức chất lượng có thể được chấp nhận. Chẳng hạn: AQL 2.5 có nghĩa là người mua sẽ từ chối một lô hàng nếu hơn 2,5% tổng số lượng đặt hàng trong một số lần sản xuất bị lỗi. Khách hàng cũng đặt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm xác định mức độ của các tiêu chuẩn vật lý như: độ vốn xơ trên mặt vải, độ bền màu, lực xé, độ co dãn.



Gắn nhãn CE (CE marking)

Một sản phẩm nếu gắn nhãn CE đồng nghĩa với việc nó có thể lưu thông tự do trong thị trường châu Âu, được pháp luật của EU công nhận. Khi một sản phẩm có dấu CE có nghĩa là sản phẩm đó đáp ứng được các yêu cầu về an toàn, sức khỏe, và bảo vệ môi trường của EU.

Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) như quần áo bảo hộ hay găng tay, cần phải tuân thủ theo tiêu chuẩn an toàn của EU về thiết kế, sản xuất, sử dụng vật liệu, thử nghiệm và hướng dẫn sử dụng liên quan đến PPE. Việc gắn nhãn CE vào các sản phẩm là dấu hiệu cho biết sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn cũng như hướng dẫn Blue Guide về việc phê duyệt chất lượng đối với các sản phẩm gắn nhãn CE.



Ghi nhãn

Các sản phẩm dệt may phải được dán nhãn, đánh dấu hoặc kèm theo các tài liệu thương mại tuân thủ Quy định EU số 1007/2001, ngày 23/5/2001 khi lưu hành tại thị trường EU.

Việc giám sát và kiểm tra thành phần của sản phẩm phù hợp với thông tin trên nhãn mác có thể diễn ra ở bất kỳ giai đoạn nào của chuỗi tiếp thị. Nhãn mác phải bền, dễ đọc, dễ nhìn và có ngôn ngữ của nước mà mặt hàng được bán cho người tiêu dùng.

Nhãn mác phải bền, dễ đọc, dễ nhìn và có ngôn ngữ của nước mà mặt hàng được bán cho người tiêu dùng.



Chỉ các sản phẩm được dệt, may từ cùng một loại sợi mới có thể được dán nhãn hoặc đánh dấu là "100%", "nguyên chất" hoặc "tất cả". Các sản phẩm dệt đa sợi phải được đánh dấu bằng tên và tỷ lệ phần trăm theo trọng lượng của tất cả các sợi cấu thành, trừ những sợi chiếm ít hơn 5% thì ghi là "sợi khác".

Sự hiện diện của các bộ phận không dệt có nguồn gốc động vật phải được đánh dấu.

Thuật ngữ "cotton linen union" được dành riêng cho các sản phẩm chỉ có sợi dọc bông nguyên chất và sợi ngang lanh nguyên chất, trong đó tỷ lệ vải lanh chiếm không dưới 40% tổng trọng lượng của vải.

Ghi nhãn nguồn gốc xuất xứ "Được sản xuất tại" ("Made in") hoặc Nhãn chăm sóc (Care label) chưa được yêu cầu theo quy định pháp luật tại EU. Tuy vậy, việc bổ sung Nhãn chăm sóc vào sản phẩm may mặc rất được khuyến khích. Theo quy định của EU, các nhà sản xuất chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm bị lỗi theo Chỉ thị Trách nhiệm Sản phẩm (Product Liability Directive) nếu doanh nghiệp không cung cấp thông tin này.

Tiêu chuẩn ISO 3758:2012 là tiêu chuẩn phổ biến về nhãn chăm sóc. Các biểu tượng Nhãn chăm sóc thuộc sở hữu của công ty GINETEX. Trong trường hợp xuất khẩu sang các nước như Bỉ, Đức-xăm-bua, Pháp và Thụy Sĩ, doanh nghiệp cần phải trả một khoản tiền cố định cho GINETEX nếu muốn sử dụng các biểu tượng này.



Quyền Sở hữu trí tuệ

Việc sử dụng bất hợp pháp các thương hiệu và mẫu thiết kế trong ngành may mặc được coi là một mối đe dọa nghiêm trọng cho ngành thời trang châu Âu. Nếu doanh nghiệp bán các thiết kế của mình tại thị trường châu Âu, họ phải đảm bảo không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ (QSHTT). Các quyền này có thể áp dụng cho thiết kế của sản phẩm, thương hiệu hoặc bản vẽ thiết kế được sử dụng. Nếu bên mua cung cấp mẫu thiết kế thì sẽ phải chịu trách nhiệm nếu một hàng liên quan bị phát hiện vi phạm QSHTT.

Doanh nghiệp cần kiểm tra các trang web của Cơ quan Sở hữu trí tuệ của châu Âu (EUIPO) và cập nhật các mẫu thiết kế, thương hiệu và kho dữ liệu lưu trữ các thiết kế được bảo hộ sở hữu trí tuệ của châu Âu. Đối với dữ liệu về các thiết kế được bảo hộ ngoài EU, doanh nghiệp có thể truy cập trang web của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).



Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp

Hiện nay, nhiều nhà nhập khẩu ở châu Âu đang gia tăng yêu cầu của họ về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Yêu cầu tối thiểu là doanh nghiệp sẽ ký một bộ quy tắc ứng xử, trong đó tuyên bố rằng doanh nghiệp tôn trọng luật lao động, môi trường địa phương và tránh tham nhũng. Ngoài ra, người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp chứng nhận liên quan đến nguồn gốc của sản phẩm, tiền lương trả cho lao động nhà máy và cách thức xử lý chất thải nhà máy. Các công ty từ Bắc Âu và Tây Âu được coi là tương đối nghiêm ngặt về CSR và chất lượng sản phẩm.

2. Các Hệ thống quản lý của EU

Ủy ban Tiêu chuẩn châu Âu (CEN): các tiêu chuẩn châu Âu liên quan đến hàng dệt may được phát triển thông qua Cơ quan kỹ thuật CEN/TC 248 của Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu về thông số kỹ thuật

Cơ quan Hóa chất châu Âu (ECHA) và Hệ thống về Đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế hóa chất (REACH): <http://echa.europa.eu>

Ủy ban châu Âu về Thương mại, ngành Dệt may: http://trade.ec.europa.eu/sigl/info_textile.htm và Hệ thống tích hợp để quản lý giấy phép nhập khẩu hàng dệt may, quần áo và sản phẩm thếp: <http://trade.ec.europa.eu/sigl/>

V. CÁC ĐỊA CHỈ THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Bộ phận Trợ giúp thương mại EU: <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/>
2. Các Quy định của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>
3. Ủy ban châu Âu - Tổng cục Thị trường Nội bộ, Công nghiệp, Doanh nhân và Doanh nghiệp nhỏ - Pháp luật về dệt may: <http://ec.europa.eu/growth/sectors/fashion/textiles-clothing/legislation/>
4. Chỉ thị An toàn sản phẩm chung của EU: https://ec.europa.eu/growth/single-market/european-standards/harmonised-standards/general-product-safety_en
5. Các tiêu chuẩn hài hòa: <https://ec.europa.eu/growth/single-market/european-standards/harmonised-standards/construction-products/>
6. Danh sách các hóa chất bị hạn chế bởi REACH: <https://echa.europa.eu/substances-restricted-under-reach>
7. Luật về các chất hóa học hủy hoại môi trường - ECHA: <https://echa.europa.eu/regulations/biocidal-products-regulation/understanding-bpr>

8. Cách tuân thủ hướng dẫn của ZDHC: <https://www.roadmaptozero.com/Input#CG>
9. Tóm tắt về luật pháp, ghi nhãn và đóng gói sản phẩm: http://eur-lex.europa.eu/summary/chapter/consumers.html?root_default=SUM_1_CODED%3D09%2CSUM_2_CODED%3D0905&obsolete=true&locale=en
10. Tài liệu hướng dẫn của Liên minh châu Âu năm 2019 về các tiêu chuẩn an toàn dành cho đồ may mặc cho trẻ con: <https://www.intertek.com/consumer/insight-bulletins/cen-tr-17376-2019-guidance-on-en-14682>
11. Quy định về an toàn trong đồ may mặc cho trẻ con: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/XT/?qid=1569591957047&uri=CELEX:32015D1345>.
12. Quy định về gắn nhãn CE (link: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/XT/?uri=CELEX:32016R0425>)
13. Quy định về chất diệt khuẩn tại: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/XT/PDF/?uri=CELEX:32012R0528&from=EN>)
14. Danh mục động vật và thực vật bị hạn chế sử dụng <https://trade.ec.europa.eu/tradehelp/goods-produced-conservation-rules>.
15. Thông tin về Hiệp định Thương mại tự do EVFTA: <http://evfta.moit.gov.vn/>
16. Trung tâm Xúc tiến nhập khẩu từ các nước đang phát triển (CBI): <https://www.cbi.eu>
17. Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương
Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84.24.2220.5376
Email: vuaumy.moit@gmail.com
Website: goglobal.moit.gov.vn
Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy
18. Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS)
Địa chỉ: Tầng 2, số 32 Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: +84-24-39361167 / 39364134; Fax: +84-24-39349842
Email: info@vietnamtextile.org.vn
Website: <http://www.vietnamtextile.org.vn>

19. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại EU

1. Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg

Tham tán Thường mại: Trần Ngọc Quân
Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium
Tel: +32 2 3118976
Email: quantrn@moit.gov.vn, be@moit.gov.vn

2. Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia

Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương
Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria
Tel: +43 1 3671759
Email: at@moit.gov.vn; phuongtvi@moit.gov.vn

3. Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia

Tham tán Thường mại: Nguyễn Thành Hải
Địa chỉ: Ul. Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa
Tel: +48 22 1147131
Email: pl@moit.gov.vn, haint@moit.gov.vn

4. Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania

Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy
Địa chỉ: 1, Jelvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria
Tel: +359 2 9632609 ext 102
Email: bg@moit.gov.vn, huypt@moit.gov.vn

5. Thương vụ tại Đức

Tham tán Thường mại: Bùi Vương Anh
Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland
Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374
Email: de@moit.gov.vn; anhbv@moit.gov.vn

6. Thương vụ tại Hà Lan

Tham tán Thường mại: Nguyễn Hải Tinh
Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost – Indie 2593 BR, The Hague
Tel: +31 70 3815594
Email: nl@moit.gov.vn, haitinh@hotmail.com; tinhnh@moit.gov.vn

7. Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina

Tham tán Thường mại: Phạm Văn Công
Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89
Tel: + 36 1 2616361
Email: hu@moit.gov.vn, congvt@gmail.com

8. Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra

Tham tán Thường mại: Nguyễn Quỳnh Anh
Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France
Tel: +33 1 46248577
Email: fr@moit.gov.vn, anhngq@moit.gov.vn

9. Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro

Tham tán Thường mại: Hoàng Anh Dũng
Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti – Romania.
Tel: +40 31 1007613
Email: ro@moit.gov.vn; dungmex@yahoo.com

10. Thương vụ tại CH Séc kiêm nhiệm Slovakia

Tham tán thường mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy
Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic
Tel: +420 773 635 829
Email: cz@moit.gov.vn

11. Thương vụ tại Tây Ban Nha

Tham tán thường mại: Vũ Chiến Thắng.
Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain
Tel: +34 91 3450519
Email: espa@moit.gov.vn; thangvc@moit.gov.vn

12. Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia

Tham tán Thường mại: Nguyễn Thị Hoàng Thủy
Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden
Tel: +46 8 322666
Email: se@moit.gov.vn, ThuyNH@moit.gov.vn

13. Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino

Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh
Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia
Tel: +39 06 841 3913
Email: it@moit.gov.vn, thanhnguyen@moit.gov.vn

14. Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland

Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường
Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street
Tel: +44 207 207 9825
Email: uk@moit.gov.vn, cuongnc@moit.gov.vn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3 934 1562

Fax: 024 3 938 7164

Website: nhaxuatbancongtuong.com.vn

Email: nxbct@moit.gov.vn

THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU NGÀNH DỆT MAY

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

Biên tập viên NXB: Đồng Thị Thu Thủy

Ban Biên soạn

Chủ biên: Tạ Hoàng Linh

Biên soạn:

Nguyễn Thảo Hiền

Đỗ Việt Tùng

Đỗ Thị Minh Phương

Đỗ Việt Hà

Chử Hương Lan

Phan Quang Nghĩa

In 500 cuốn, khổ 13 x 20 cm

In tại Công ty TNHH In Đại Thành

Địa chỉ: 273 Khương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 4231-2020/CXBIPH/02-174/CT

Số QĐXB: 282/QĐ-NXBCT

Mã số ISBN: 978-604-311-081-4

In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2020

Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84.24.2220.5376

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy

ISBN: 978-604-311-081-4



9 786043 110814

ẤN PHẨM KHÔNG BÁN